

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **318/2023/HS-ST**
Ngày: 29-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1./ Ông Nguyễn Tiến Dũng.

2./ Ông Nguyễn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 308/2023/TLST - HS, ngày 14 tháng 9 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đặng Hồng T. Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10/02/1973; Tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Tổ D, phường P, thành phố T, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Đặng Xuân H, sinh năm: 1950; Con bà: Nguyễn Thị O, sinh năm: 1953;

Tiền án: 01 Tiền án:

Ngày 26/7/2023, bị Tòa án nhân thị xã B, tỉnh Bình Dương, xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt Bản án 159/2022/HS-ST, buộc bị cáo chấp hành hình phạt: 03 năm 06 tháng tù (Bản án 147/2023/HS-ST ngày 26/7/2023).

Tiền sự: Không; Bị cáo có vợ Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1983 và 01 con sinh năm 2013.

Nhân thân:

Ngày 12/6/1994: Bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 03/STHS, ngày 12/6/1994;

Ngày 20/8/1996: Bị Tòa án nhân dân thị xã P1, tỉnh Gia Lai xử phạt 03 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Bản án số 47 ngày 28/8/1996;

Ngày 15/5/2001: Bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai tuyên phạt 03 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Bản án số 23/HS-PT, ngày 15/05/2001;

Ngày 11/01/2007: Bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Gia Lai xử phạt 36 tháng tù theo Bản án số 39/2007/HSST;

Ngày 23/9/2022: Bị Tòa án nhân dân thị xã B1, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Bản án số 159/2022/HS-ST. Bị cáo đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo Đặng Hồng T đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B, tỉnh Bình Dương theo Bản án 147/2023/HS-ST ngày 26/7/2023. Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị hại:** Bà Đỗ Thị Lê P, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 1 G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 8 Khu phố B, phường L, thành phố T1, thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Hồng T, sinh ngày: 10/02/1973, hộ khẩu thường trú: Tổ D, phường P, thành phố T, tỉnh Gia Lai. Khoảng năm 2020, Đặng Hồng T làm nghề bán sơn cho công ty W tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Quá trình làm việc tại đây, T thường xuyên đến thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ L, địa chỉ: 1 G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, T có quen biết với chị Đỗ Thị Lê P (quản lý nhà nghỉ), sinh năm 1990, trú tại: 1 G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đến cuối năm 2020, do không có xe đi lại nên T thường xuyên mượn xe mô tô biển số 47B2-087.37, nhãn hiệu Vision, màu sơn đỏ của chị P để sử dụng. Khoảng 09 giờ ngày 01/3/2021, T mượn chị P chiếc xe mô tô biển số 47B2-087.37 để đi công việc thì chị P đồng ý. T điều khiển xe đi lấy tiền nợ bán sơn trên địa bàn thành phố B nhưng không lấy được tiền. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 47B2-087.37 đi xuống tỉnh Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh để mượn tiền nhưng không có ai cho mượn. Do không có tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 47B2-087.37 của chị P. Ngày 03/3/2021, T lên mạng xã hội thì thấy có quảng cáo ghi thu mua xe cũ tận nơi nên T đã liên hệ người mua và hẹn gặp gặp anh Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1992, hộ khẩu thường trú: 8/11 Khu phố B, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh tại quán cà phê (không xác định địa chỉ) ở thành phố D, tỉnh Bình Dương. Sau khi xem xe mô tô gắn biển số 47B2-087.37, anh M hỏi T là nguồn gốc xe thì T trả lời xe mô tô T mua của chị P là người quen gần nhà nên chưa làm thủ tục sang tên nên anh M tin tưởng, đồng ý mua xe mô tô biển số 47B2-087.37 và chuyển khoản số tiền 16.000.000 đồng cho T. Khi mua xe, hai bên có viết Giấy mua bán xe rồi T giao cho anh M 01 xe mô tô biển số 47B2-087.37 và 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 043224 (Bản chính), tên chủ xe: Đỗ Thị Lê P, biển số đăng ký: 47B2-087.37, do Phòng C Công an tỉnh Đ cấp ngày 26/10/2016 (chị P để trong cốp xe). Sau khi nhận được tiền, T đã tiêu xài cá nhân hết. Chị P nhiều lần liên lạc yêu cầu T trả xe nhưng T nói dối là đi làm chưa về, sau đó chị P tiếp tục liên lạc với T nhưng không liên lạc được. Đến ngày 03/3/2021, chị P phát hiện xe mô

tô biển số 47B2-087.37 được anh M rao bán trên mạng xã hội Facebook nên chị P vào hỏi thì được biết T đã bán chiếc xe mô tô biển số 47B2-087.37 cho anh M nên đã làm đơn tố giác Đặng Hồng T đã chiếm đoạt chiếc xe đến Cơ quan Công an để xử lý.

Ngày 05/3/2021, anh Nguyễn Hoàng M đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô 47B2-087.37 và 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 043224 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐGTS ngày 19/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (Một) chiếc xe mô tô gắn biển số 47B2-087.37, nhãn hiệu Vision, màu sơn đỏ, dung tích xi lanh: 108, số khung: 5814GY036590, số máy: JF66E0036619, đã qua sử dụng, trị giá 24.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 335/KLGĐ-PC09 ngày 02/4/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ kết luận: Số máy, số khung của chiếc xe mô tô gắn biển số 47B2-087.37 không thay đổi.

Tại Kết luận giám định số 746/KL-KTHS ngày 09/9/2022 của phòng K1 - Công an tỉnh Đ, kết luận: Các video gửi giám định không phát hiện có dấu hiệu bị cắt, ghép, chỉnh sửa.

Ngày 14/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra Quyết định trưng cầu giám định số 137 trưng cầu phòng K1 - Công an tỉnh Đ giám định chữ viết, chữ ký trên Giấy bán xe ngày 03/3/2021 so với chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Hồng T trên Bản tự khai có phải do cùng một người ký, viết ra hay không?

Tại Kết luận giám định số 244/KL-KTHS ngày 28/02/2023 của phòng K1 - Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên Đặng Hồng T dưới mục “Chữ ký bên bán”; chữ viết phần nội dung trên tài liệu cần giám định (Trừ chữ “Nguyễn Hoàng M” tại vị trí “Tôi có bán cho anh/chị:” và chữ số “024766661” tại vị trí “CMND/CCCD số:”) so với chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Hồng T trên Bản tự khai do cùng một người ký, viết ra.

Tại Cáo trạng số: 314/CT-VKS-HS ngày 12/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Đặng Hồng T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn K, đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Văn K theo bản cáo trạng số 314/CT-VKS-HS ngày 12/9/2023 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Hồng T mức án tù 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Các biện pháp tư pháp:

Xử lý vật chứng:

Ngày 07/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại 01 (Một) chiếc xe mô tô gắn biển số 47B2-087.37, nhãn hiệu Vision, màu sơn đỏ, dung tích xi lanh: 108, số khung: 5814GY036590, số máy: JF66E0036619, đã qua sử dụng và 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 043224 (Bản chính), tên chủ xe: Đỗ Thị Lê P, biển số đăng ký: 47B2-087.37, do Phòng C Công an tỉnh Đ cấp ngày 26/10/2016 cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Đỗ Thị Lê P.

Về phần dân sự:

Chị Đỗ Thị Lê P đã nhận lại chiếc xe mô tô biển số 47B2-087.37 nên không có yêu cầu gì thêm. Anh Nguyễn Hoàng M1 yêu cầu Đặng Hồng T bồi hoàn số tiền 16.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trưng tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi của mình đã thực hiện. Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Vì vậy, có đủ căn cứ kết luận: Do có ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác nên khoảng 09 giờ ngày 01/3/2021, tại nhà nghỉ L, địa chỉ: 1 G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Đặng Hồng T đã có mượn tài sản của chị Đỗ Thị Lê P chiếc xe mô tô biển số 47B2-087.37, nhãn hiệu Vision, màu sơn đỏ, trị giá: 24.000.000 đồng để đi. Sau đó, bán cho anh Nguyễn Hoàng M, lấy tiền tiêu xài cá nhân rồi bỏ trốn.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Điều 175 Bộ luật hình sự, quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a, V, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

.....”

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố bị cáo Trần Văn K về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản của bị hại, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và nhận thức, bị cáo phải biết tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng nên bị cáo đã lợi dụng lòng tin của chị Đỗ Thị Lê P đưa xe cho bị cáo mượn nhưng bị cáo đã bán xe để lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại Bản án số 147/2023/HS-ST ngày 26/7/2023, bị Tòa án nhân thị xã B, tỉnh Bình Dương, xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt Bản án số 159/2022/HS-ST, buộc bị cáo chấp hành hình phạt: 03 năm 06 tháng tù. Theo Bản án số 147/2023/HS-ST ngày 26/7/2023, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 05/7/2019. Hành vi này xảy ra trước hành vi mà bị cáo đang bị xét xử và bản án đã có hiệu lực pháp luật. Nên trong vụ án này, Hội đồng xét xử xác định bị cáo có 01 tiền án nhưng không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là có lợi cho bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử cần áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo.

[5] Các vấn đề khác: Đối với hành vi của anh Nguyễn Hoàng M mua mô tô biển số 47B2-087.37, nhãn hiệu Vision, màu sơn đỏ của bị cáo Đặng Hồng T, anh M không biết là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, là phù hợp.

[6] Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T ra Quyết định xử lý vật chứng ngày 07/12/2022 bằng hình thức trả lại 01 (Một) chiếc xe mô tô gắn biển số 47B2-087.37, nhãn hiệu Vision, màu sơn đỏ, dung

tích xi lanh: 108, số khung: 5814GY036590, số máy: JF66E0036619, đã qua sử dụng và 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 043224 (Bản chính), tên chủ xe: Đỗ Thị Lê P, biển số đăng ký: 47B2-087.37, do Phòng C Công an tỉnh Đ cấp ngày 26/10/2016 cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Đỗ Thị Lê P.

Về phần dân sự: Chị Đỗ Thị Lê P đã nhận lại chiếc xe mô tô biển số 47B2-087.37 nên không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập giải quyết. Buộc bị cáo Đặng Hồng T bồi thường cho anh Nguyễn Hoàng M số tiền 16.000.000 đồng

[7] Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là phù hợp, nên HĐXX cần chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Án phí dân sự sơ thẩm là 16.000.000 đồng x 5% = 800.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Hồng T phạm tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**”

Xử phạt bị cáo Đặng Hồng T **02 (Hai) năm** tù.

- *Căn cứ Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự.*

Tổng hợp hình phạt 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 147/2023/HS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã B1, tỉnh Bình Dương xử phạt bị cáo Đặng Hồng T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Buộc bị cáo Đặng Hồng T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là **05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/11/2021.

2. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự 2015.

Xử lý vật chứng: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T ra Quyết định xử lý vật chứng ngày 07/12/2022 bằng hình thức trả lại 01 (Một) chiếc xe mô tô gắn biển số 47B2-087.37, nhãn hiệu Vision, màu sơn đỏ, dung tích xi lanh: 108, số khung: 5814GY036590, số máy: JF66E0036619, đã qua sử dụng và 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 043224 (Bản chính), tên chủ xe: Đỗ Thị Lê P, biển số đăng ký: 47B2-087.37, do Phòng C Công an tỉnh Đ cấp ngày 26/10/2016 cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Đỗ Thị Lê P.

Về phần dân sự: Chị Đỗ Thị Lê P đã nhận lại chiếc xe mô tô biển số 47B2-087.37 nên không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập giải quyết. Buộc bị cáo Đặng Hồng T bồi thường cho anh Nguyễn Hoàng M số tiền 16.000.000 đồng.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo Đặng Hồng T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo; Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. Buôn Ma Thuột;
- THA phạt tù (để thi hành);
- Bị cáo; bị hại; Người liên quan;
- Lưu Hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Loan

